TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2017/HNGĐ-ST
Ngày 17/7/2017
"V/v Ly hôn giữa
chị M và anh T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Kim Loan**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Mai Tấn Lộc**;
2. Ông **Huỳnh Văn Thanh**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Thảo Lan** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy *tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Nhớ** – Kiểm Sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy xét xử công khai vụ án thụ lý số 167/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2017/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Sương M, sinh năm 1983 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh T.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã L, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Sương M trình bày:

Chị M và anh Nguyễn Văn T tổ chức đám cưới vào năm 1999 đến năm 2003 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh T. Quá trình chung sống anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 04/3/2002. Anh chị sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T thường xuyên say xỉn, ghen tuông vô cớ và đã nhiều lần đánh đập chị nên chị đã bỏ về nhà cha mẹ ruột ở. Anh chị đã ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không

đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị M yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thanh T1 – sinh ngày 04/3/2002. Chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Theo bản tự khai đề ngày 30/5/2017 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh thống nhất với trình bày của chị Nguyễn Thị Sương M về thời gian và điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn. Anh chị chung sống thường xuyên cãi vả, tuy nhiên mâu thuẫn đó không trầm trọng. Khoảng thời gian sau này anh nghe mọi người bàn tán về việc chị M có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, mặc dù có nhiều chứng cứ và bản thân chị M cũng đã thừa nhận nhưng anh vẫn chấp nhận bỏ qua tất cả để chị M thay đổi tánh tình và cùng nhau gầy dựng hạnh phúc gia đình. Đến ngày 27/01/2017 chị M để lại con cho anh chăm sóc và bỏ đi về cha mẹ ruột ở nhưng anh chị vẫn thường xuyên qua lại với nhau, cùng nhau chăm lo cho con. Nay anh trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Sương M.

- Về con chung: Anh yêu cầu được được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Thanh T1 – sinh ngày 04/3/2002. Anh không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự và việc giải quyết vụ án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Sương M, giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 04/3/2002 cho chị M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị M có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T. Anh T có địa chỉ tại địa bàn huyện Cai Lậy nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Chị M và anh T có đăng ký kết hôn năm 1999 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, chị M xin ly hôn với anh T căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn".

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Nguyễn Thị Sương M và anh Nguyễn Văn T sống chung có đăng ký kết hôn năm 2003 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh T không còn khả năng đoàn tụ, hàn gắn tình cảm gia đình. Bởi lẽ anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T ghen tuông vô cớ, thường xuyên say xỉn đánh đập chị, dù chị đã nhiều lần khuyên can anh vẫn không thay đổi, chị đã tạo điều kiện cho anh T để hàn gắng tình cảm vợ chồng cùng nhau chung sống lo cho cháu T1 nhưng không được. Do có quá nhiều mâu thuẫn nên chị và anh T đã ly thân từ tháng 02/2017 đến nay. Anh T cho rằng chị M đang quan hệ bất chính với người khác nhưng không được chị M thừa nhận và anh T cũng không có chứng cứ xác thực chứng minh là chị M đang có người đàn ông khác nên Hội đồng xét xử không xem xét. Chị M yêu cầu ly hôn với anh T Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ và tạo điều kiện cho chị M và anh T hàn gắn tình cảm nhưng không được. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[4] Về con chung: Chị M và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Thị Thanh T1 – sinh ngày 04/3/2002. Ngày 19/5/2017 cháu T1 trình bày nếu cha mẹ cháu không sống chung với nhau nữa thì cháu muốn sống chung với mẹ. Xét yêu cầu xin nuôi cháu T1 của chị M và anh T, Hội đồng xét xử nhận thấy chị M và anh T đều có khả năng tài chính, có thu nhập và có công việc làm đảm bảo được tương lai và cuộc sống cho cháu T1 sau này, nhưng cháu T1 lại có nguyện vọng sống chung với mẹ là chị M nên Hội đồng ghi nhận ý kiến của cháu T1. Vì vậy, căn cứ quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu T1 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M chưa có yêu cầu.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Sương M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; Điều 235; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Sương M**.** Cho chị Nguyễn Thị Sương M được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Thị Thanh T1, sinh ngày 04/3/2002 cho chị M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng: Anh T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị M chưa có yêu cầu.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Sương M phải chịu 300.000đ án phí HNST. Được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 14171 ngày 28/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, chị M đã nộp xong án phí.

6. Quyền kháng cáo: Chị M, anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND H.Cai Lậy;
- Chi cục THADS H.Cai Lậy;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã L;
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Kim Loan